

KIỂM SOÁT NỘI BỘ TẠI SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH BÌNH ĐỊNH – THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Lê Văn Hạnh*

Trường THPT Trần Quang Diệu

*Email: hanhkt_tqd@yahoo.com.vn

Tóm tắt:

Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Định (gọi tắt là Sở) là đơn vị thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Bình Định và chịu sự chỉ đạo trực tiếp về công tác chuyên môn từ Bộ Giáo dục và Đào tạo. Để hạn chế đến mức thấp nhất các sai sót có thể xảy ra, một nhiệm vụ không thể thiếu là phải tổ chức tốt công tác kiểm soát nội bộ (KSNB). Vì vậy, nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng công tác KSNB tại Sở trên hai phương diện là thực hiện các quy định của ngành giáo dục đối với công tác KSNB và thực hiện công tác KSNB tại Sở thông qua phương pháp nghiên cứu định tính. Kết quả nghiên cứu cho thấy về thực hiện các quy định của ngành giáo dục đối với công tác KSNB thì Sở đã thực hiện tốt; tuy nhiên, công tác KSNB tại Sở vẫn còn một số hạn chế về môi trường kiểm soát, công tác đánh giá rủi ro, hoạt động kiểm soát, vấn đề truyền thông và công tác giám sát, nhất là ngoại kiểm. Từ đó, nghiên cứu đã thảo luận và đề ra các giải pháp hoàn thiện.

Từ khoá: kiểm soát, kiểm soát nội bộ, sở giáo dục và đào tạo, Bình Định.

1. Đặt vấn đề

Đơn vị hành chính nhà nước (HCNN) là các đơn vị, cơ quan hoạt động bằng nguồn kinh phí của ngân sách Nhà nước hoặc cấp trên cấp phát hoặc bằng nguồn kinh phí khác như: hội phí, học phí, viện phí, kinh phí được tài trợ,... để phục vụ các nhiệm vụ của Nhà nước giao, chủ yếu là các hoạt động chính trị xã hội. Tuy nhiên, hiện nay Chính phủ chưa có văn bản nào quy định việc xây dựng hệ thống về KSNB đối với các cơ quan HCNN mà chỉ dựa vào định nghĩa về KSNB đã được luật hóa và ban hành trong Luật kế toán và Chuẩn mực kiểm toán. Cụ thể:

(i) Theo Luật Kế toán tại điều 39, KSNB là việc thiết lập và tổ chức thực hiện trong nội bộ đơn vị kế toán các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra. Đơn vị kế toán phải thiết lập hệ thống KSNB trong đơn vị để bảo đảm các yêu cầu: Tài sản của đơn vị được bảo đảm an toàn, tránh sử dụng sai mục đích, không hiệu quả; các nghiệp vụ được phê duyệt đúng thẩm quyền và được ghi chép đầy đủ làm cơ sở cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý;

(ii) Còn theo chuẩn mực kiểm toán số 400, KSNB là các quy định và các thủ tục kiểm soát do đơn vị kiểm toán xây dựng và áp dụng nhằm đảm bảo cho đơn vị tuân thủ pháp luật và các quy định để kiểm tra, kiểm soát, ngăn ngừa và phát hiện gian lận, sai sót; để lập báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm bảo vệ, quản lý và sử dụng có hiệu quả tài sản của đơn vị.

Trong khi đó, theo hướng dẫn của Intosai năm 2013 thì KSNB là một quá trình bị chi phối bởi người quản lý, hội đồng quản trị và các nhân viên của đơn vị, nó được thiết lập để cung cấp một sự đảm bảo hợp lý nhằm đạt được 3 mục tiêu: Sự hữu hiệu và hiệu quả của hoạt động, Sự tin cậy của báo cáo tài chính, Sự tuân thủ pháp luật và các quy định.

Từ đó cho thấy rằng, trong các đơn vị HCNN, quan điểm của Intosai năm 2013 là dựa trên nền tảng của Coso 2013 nên vẫn bao gồm 5 thành tố bao gồm: (i) *Môi trường kiểm soát* là việc thực hiện các cam kết nhằm đảm bảo tính chính trị và giá trị đạo đức, thực hiện trách nhiệm tổng thể, thiết lập cấu trúc quyền lực và trách nhiệm, thực thi cam kết về năng lực, đảm bảo trách nhiệm giải trình; (ii) *Đánh giá rủi ro* là xác định các mục tiêu phù hợp và cụ thể, xác định và phân tích rủi ro, đánh giá rủi ro gian lận, xác định và phân tích các thay đổi quan trọng; (iii) *Hoạt động kiểm soát* là lựa chọn và phát triển các hoạt động kiểm soát, lựa chọn và phát triển các kiểm soát chung đối với công nghệ, ứng dụng chính xác và thủ tục; (iv) *Thông tin và truyền thông* là sử dụng thông tin phù hợp, truyền thông nội bộ, truyền thông bên ngoài đơn vị; và (v)

Giám sát là thực hiện đánh giá liên tục và tách biệt, đánh giá và tính truyền thông giữa các nội dung.

Như vậy, việc vận dụng hướng dẫn của Intosai vào đánh giá về KSNB trong các đơn vị HCNN tại Việt Nam nói chung và Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Định nói riêng là hoàn toàn phù hợp. Do vậy, trong nghiên cứu này, tác giả sẽ vận dụng hướng dẫn của Intosai để phân tích và đánh giá về KSNB tại Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Định nhằm đề xuất các giải pháp hoàn thiện.

2. Phương pháp thực hiện nghiên cứu

Đề tiên hành thu thập dữ liệu cho nghiên cứu. Tác giả tiến hành xác định đối tượng khảo sát, mục đích khảo sát và dữ liệu thu thập, xử lý như sau:

2.1. Đối tượng và mục đích khảo sát

Tác giả sử dụng phương pháp khảo sát là lấy mẫu thuận tiện trên 2 nhóm đối tượng nghiên cứu, gồm: (i) phỏng vấn các chuyên gia về KSNB nhằm tham vấn ý kiến của chuyên gia về nội dung của phiếu khảo sát, gồm 04 giảng viên của các trường đại học và 06 công chức có tham gia quản lý tại Sở và (ii) khảo sát ban lãnh đạo, công chức của Sở với mẫu khảo sát là 61 cán bộ, công chức, viên chức (100% quy mô mẫu). Kết quả có 56 phiếu trả lời hợp lệ (đạt 91,8%).

2.2. Phương pháp thực hiện khảo sát

Về cách thức tiến hành khảo sát dữ liệu: Tác giả trực tiếp phỏng vấn và gửi phiếu khảo sát nhằm giải đáp các thắc mắc về các câu hỏi được khảo sát để người được khảo sát thuận lợi trong việc trả lời cho phiếu khảo sát của tác giả.

Công cụ thu thập dữ liệu khảo sát: Tác giả sử dụng phiếu khảo sát đã được thiết kế sẵn. Phiếu khảo được xây dựng dựa trên 3 giai đoạn: (i) Xây dựng phiếu khảo sát nháp, (ii) Tham vấn ý kiến chuyên gia và (iii) Hoàn thiện phiếu khảo sát chính thức.

Về phương pháp xử lý và phân tích dữ liệu: Tổng số phiếu khảo sát thu hồi được và hợp lệ là 56 phiếu. Tiếp đến, tác giả chuyển vào Excel, mã hoá cho các biến theo từng phần và từng nhóm yếu tố của phiếu khảo sát. Sau đó, tác giả sử dụng các hàm tính toán để phân tích dữ liệu thu thập trên công cụ Excel và phân tích thông tin thu thập.

3. Thực trạng về KSNB tại Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Định

3.1. Về thực hiện các quy định của ngành giáo dục đối với công tác KSNB

Thứ nhất, vẫn còn 7 phiếu đánh giá (tỷ lệ 12,5%) cho rằng khi thành lập các đoàn thanh tra, kiểm tra tại Sở chưa thực sự đảm bảo các thành viên tham gia đoàn phải độc lập theo quy định. Điều này cho thấy, tính độc lập trong việc thành lập các đoàn thanh tra, kiểm tra Sở chưa chú trọng quán triệt hoàn toàn. Qua phỏng vấn cho thấy, nguyên nhân này xuất phát từ thành lập các đoàn thanh tra, kiểm tra nội bộ để tự kiểm tra, kiểm soát đối với các trường trực thuộc Sở (hoặc đơn vị giao dự toán ngân sách) theo từng năm học do lực lượng của Sở còn mỏng nên các đoàn này phải trưng dụng thêm nhân sự kế toán của các trường trực thuộc Sở nên trong một số trường hợp cụ thể, tính độc lập chưa được đảm bảo, nhất là vấn đề độc lập về quan hệ.

Thứ hai, kết quả công tác KSNB tại Sở thì công tác kiểm tra nội bộ của Ban thanh tra nhân dân là thực hiện tốt nhất với 39 ý kiến đánh giá ở mức tốt, tiếp đến là công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ của Sở đối với các trường trực thuộc, các ý kiến đánh giá cho kết quả mức tốt đạt 59% và thấp nhất là công tác giám sát nội bộ của công chức, viên chức tại Sở, chỉ có 55% ý kiến đánh giá ở mức tốt. Qua phỏng vấn cho thấy, nguyên nhân chủ yếu về kết quả chưa tốt của các đoàn thanh tra, ban thanh tra nhân dân và công tác giám sát nội bộ là do quá trình thanh tra, giám sát, các đoàn còn cả nể đối với một số phòng/ban, đơn vị phần nào làm giảm tính hiệu quả của công tác thanh tra, giám sát.

Thứ ba, kết quả khảo sát cho thấy có 82% (với 46 phiếu) cho rằng các đoàn thanh tra, kiểm tra hoặc ban thanh tra nhân dân có đảm bảo thực hiện các nội dung kiểm tra theo quy định; còn lại đến 18% (với 10 phiếu) cho rằng các đoàn chưa thực hiện đầy đủ các nội dung kiểm tra theo quy định. Qua phỏng vấn cho thấy nguyên nhân chủ yếu là trong một số cuộc kiểm tra, do thời gian kiểm tra ngắn, phạm vi kiểm tra rộng nên một số đoàn khi lập kế hoạch kiểm tra đã giảm bớt một số nội dung kiểm tra.

Thứ tư, các kiến nghị, kết luận của KSNB trong giai đoạn 2017 - 2019 khi công bố: (i) với các trường trực thuộc (hoặc các đơn vị giao ngân sách dự toán) thì tỷ lệ đồng ý từ 75% đến 99% có đến 34 phiếu (đạt 61%) và 100% có 20 phiếu (tỷ lệ 36%); (ii) với Ban thanh tra nhân dân thì tỷ lệ đồng ý từ 75% đến 99% có đến 40 phiếu (tỷ lệ 71%) và 100% là 11 phiếu (tỷ lệ 20%) và (iii) về giám sát nội bộ của công chức, viên chức trong đơn vị thì tỷ lệ đồng ý từ 75% đến 99% có 30 phiếu (tỷ lệ 54%) và 100% là 17 phiếu (tỷ lệ 30%). Điều này cho thấy các kết luận, kiến nghị của công tác KSNB tại Sở trong giai đoạn 2017 - 2019 được thực hiện khá tốt.

3.2. Về thực hiện KSNB tại Sở

- *Thứ nhất, về môi trường kiểm soát:*

+ *Về tinh chính trực, sự trung thực và các giá trị đạo đức:* Chỉ có một số phòng chức năng có ban hành tiêu chuẩn kiến thức và kỹ năng cho một số vị trí việc làm chứ chưa có tiêu chuẩn chung của phòng/ban chức năng; và việc khen thưởng, biểu dương phần lớn được đề cập biểu dương tại các cuộc họp tổng kết, chưa ghi nhận bằng biểu trưng (ví dụ như giấy khen,...) nên ít tạo động lực thực hiện cho cán bộ, công chức, viên chức.

+ *Về tổ chức bộ máy và phân công nhiệm vụ:* Nhiều ý kiến cho rằng các phòng/ban/bộ phận chưa thực sự tạo điều kiện cho nhau hoàn thành tốt công việc (tỷ lệ tán thành 46,4%) và phần lớn các ý kiến cũng cho rằng Sở chưa có tài liệu mô tả công việc chi tiết cho từng nhiệm vụ/công việc. Qua phỏng vấn cho thấy nguyên nhân của vấn đề này do Sở chưa thống nhất và ban hành được đề án vị trí việc làm cho từng công việc của công chức, viên chức ở từng phòng/ban/bộ phận, Sở đang kiện toàn trong thời gian tới.

+ *Về các mối quan hệ công việc:* Còn nhiều ý kiến cho rằng lãnh đạo Sở chưa thực sự tạo điều kiện thuận lợi để công chức, viên chức đơn vị đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và việc đề bạt, bố trí công chức, viên chức vào các vị trí công việc là chưa thực sự hợp lý. Qua phỏng vấn cho thấy, việc đi học nâng cao trình độ chuyên môn của công chức, viên chức tại Sở là trên cơ sở tự túc cá nhân, chỉ có các khoá bồi dưỡng nghiệp vụ theo định kỳ của ngành mới có kinh phí được cấp từ ngân sách, điều này phần nào làm hạn chế việc chuẩn hoá trình độ đối với công chức, viên chức tại Sở.

+ *Về phân quyền và kiểm soát hoạt động:* Việc bố trí công chức, viên chức tại Sở chưa hướng đến mục đích để kiểm soát lẫn nhau và những khâu việc tiềm ẩn nhiều rủi ro chưa được quán triệt thực hiện nguyên tắc bất kiêm nhiệm.

+ *Về chính sách nhân sự và phát triển đội ngũ:* Còn nhiều ý kiến cho rằng các chính sách về thi đua, khen thưởng chưa phổ biến rộng rãi đến toàn thể công chức, viên chức của Sở. Đồng thời, việc khen thưởng của Sở hiện tại chưa thực sự thỏa đáng và khích lệ công chức, viên chức làm việc, cống hiến do áp dụng theo đúng quy định của Nhà nước nên mức khen thưởng còn thấp.

- *Thứ hai, về đánh giá rủi ro:*

+ *Về nhận diện và phòng ngừa rủi ro:* Còn nhiều ý kiến cho rằng Sở chưa tổ chức tốt các cuộc họp định kỳ để nhận diện các rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động và chưa ban hành các mức xử phạt đủ mạnh để cảnh báo và phòng ngừa các rủi ro có thể xảy ra. Qua phỏng vấn cho thấy rằng, Sở là đơn vị quản lý nhà nước về giáo dục trên địa bàn toàn tỉnh, với nhiều lĩnh vực công tác khác nhau nên việc ban hành các quy định xử phạt và mức phạt cho từng lĩnh vực công tác có phần hạn chế, chỉ có quy định xử phạt chung theo quy định của luật

+ *Về đánh giá rủi ro:* Vẫn còn nhiều ý kiến cho rằng Sở chưa có thành lập bộ phận chuyên trách để thu thập thông tin và đánh giá các rủi ro. Quá trình phỏng vấn sâu cho thấy, việc thu thập thông tin để đánh giá và quản lý các rủi ro hiện nay tại Sở chủ yếu được thực hiện bởi Ban thanh tra nhân dân và đối với các đơn vị trực thuộc sự quản lý của Sở là thực hiện bởi đoàn thanh tra, kiểm tra nội bộ để tự kiểm tra, kiểm soát theo từng năm học.

- *Thứ ba, về hoạt động kiểm soát:*

+ *Về kiểm soát công tác kế toán:* Vẫn còn một số ý kiến cho rằng trong một số chứng từ tại Sở chưa được kiểm soát và ký duyệt trước khi thực hiện và một số khoản chi tiêu tại Sở chưa thật sự có hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo quy định. Qua phỏng vấn cho thấy, do công việc của Sở

nhiều và một số giao dịch cần thực hiện ngay nên đôi lúc có một số giao dịch thực hiện xong mới trình lãnh đạo Sở phê duyệt chứng từ hoặc xin ý kiến chỉ đạo qua điện thoại và thực hiện công việc, điều này người thực hiện công việc biết chưa đúng quy trình nhưng vẫn thực hiện, vì vậy tác giả cho rằng các hoạt động này không nên được khuyến khích. Đồng thời, việc chưa có hoá đơn, chứng từ hợp lệ phần lớn do thanh toán công tác phí nội tỉnh, việc công chức, viên chức đi công tác khó lấy hoá đơn, chứng từ nên Sở đã linh động sử dụng khoản chi cho một số mục chi và sử dụng bảng kê khai công việc cho việc thực hiện thanh toán.

+ *Về kiểm soát hoạt động chung:* Vẫn còn ý kiến cho rằng vấn đề kiểm soát tài sản, mua sắm tài sản tại Sở chưa hoàn toàn tuân thủ mọi quy trình, quy định của Nhà nước. Qua phỏng vấn cho thấy việc này chủ yếu xuất phát từ việc mua sắm nhỏ thông qua hình thức chỉ định nhà cung cấp là chủ yếu.

- *Thứ tư, về thông tin và truyền thông:*

+ *Về thông tin và truyền thông cho quản lý:* Vẫn còn nhiều ý kiến cho rằng hệ thống thông tin và truyền thông tại Sở chưa được áp dụng đồng bộ và chưa có bảo mật nghiêm ngặt trong việc truy cập vào hệ thống máy tính của Sở. Qua phỏng vấn cho thấy, nguyên nhân xuất phát từ việc hệ thống máy tính và truyền thông của Sở chưa được đầu tư đồng bộ mà đầu tư theo hình thức hình thành dần trong quá trình hoạt động.

+ *Về thông tin kế toán:* Còn nhiều ý kiến cho rằng quy trình kiểm soát luân chuyển chứng từ tại Sở hiện nay là chưa hợp lý và nhất là công chức, viên chức của Sở chưa được thông tin đầy đủ các kết luận từ các cuộc kiểm tra, kiểm toán. Qua phỏng vấn cho thấy, các kết luận từ các cuộc kiểm tra, kiểm toán chủ yếu cung cấp lãnh đạo Sở để có thông tin trong chỉ đạo và điều hành; đồng thời, Sở chưa có ban hành quy định về các chứng từ cần có cho một số giao dịch cụ thể nên một số đơn vị/phòng/ban còn lúng túng trong việc hoàn thiện các chứng từ thanh toán theo quy định.

- *Thứ năm, về công tác giám sát:*

Còn nhiều ý kiến cho rằng hoạt động giám sát thường xuyên và công tác giám sát đột xuất của Sở chưa được chú trọng thực hiện; điều này phần nào làm giảm hiệu lực của công tác KSNB tại Sở.

4. Thảo luận về những hạn chế trong công tác KSNB tại Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Định

4.1. Về môi trường kiểm soát

- *Một là,* việc phổ biến, truyền đạt các quy tắc ứng xử, hướng dẫn về đạo đức, phân biệt hành vi nào là vi phạm, ... tại Sở được thực hiện chưa tốt trong quá trình hoạt động;

- *Hai là,* các phòng/bộ phận trong Sở chưa có quy trình hợp tác, tạo điều kiện cho nhau để hoàn thành công việc;

- *Ba là,* việc bố trí cán bộ vào một số vị trí công việc chưa thực sự phù hợp;

- *Bốn là,* vì khối lượng công việc của Sở rất lớn nhưng số lượng biên chế có phần hạn chế nên trong một số khâu việc nhất định có sự kiêm nhiệm trong quá trình thực hiện công việc nên dẫn đến tính kiểm soát lẫn nhau có phần hạn chế;

- *Năm là,* công tác kiểm soát năng lực hoạt động của cán bộ, công chức chưa thật sự tốt, cụ thể: công tác tổ chức, kiểm tra nghiệp vụ chuyên môn đối với các cán bộ, công chức trong Sở chưa được thực hiện theo định kỳ để bố trí và luân chuyển cho phù hợp với năng lực công tác của từng cán bộ, công chức, viên chức;

- *Sáu là,* chính sách khen thưởng còn mang tính định mức, cào bằng. Cơ chế quy định hàng năm mỗi đơn vị sẽ có bao nhiêu cá nhân được khen thưởng dẫn đến phải bình bầu thông qua bỏ phiếu kín. Điều này dễ dẫn đến đánh giá con người nhiều hơn là đánh giá công việc. Những cá nhân hoạt động tích cực, “va chạm” nhiều lại gặp bất lợi hơn những người khác;

- *Bảy là,* việc thực hiện các chế độ, chính sách đãi ngộ, chế độ khen thưởng của Sở chưa được chú trọng đúng mức, việc thanh toán công tác phí chưa kịp thời;

- *Tám là,* chưa thực hiện tổ chức tập huấn, bồi dưỡng và cập nhật chuyên môn, nghiệp vụ thường xuyên cho công chức, viên chức của đơn vị. Việc bổ sung kiến thức và cập nhật kiến

thực hiện tại phần lớn do cá nhân các công chức, viên chức tự thực hiện để đáp ứng yêu cầu công việc được giao.

4.2. Về đánh giá rủi ro

- *Một là*, Sở chưa xây dựng được bộ phận dự báo và xử lý rủi ro riêng biệt. Công tác nhận diện rủi ro còn thô sơ, chủ yếu là so sánh kết quả thực hiện với kế hoạch và kết quả thực hiện giữa các thời kỳ để tìm nguyên nhân và giải pháp ứng phó. Mức độ áp dụng công nghệ thông tin trong phân tích và ứng phó rủi ro còn hạn chế;

- *Hai là*, Sở chưa có quan tâm đúng mức đến việc phân tích, đánh giá và quản trị các rủi ro. Ít có tổ chức các cuộc họp định kỳ để nhận dạng rủi ro;

- *Ba là*, các phương pháp đánh giá và phân tích rủi ro mang nhiều cảm tính, dẫn đến các biện pháp đối phó rủi ro thường không hiệu quả, đa phần là khắc phục hậu quả hơn là chủ động phòng ngừa.

4.3. Về hoạt động kiểm soát

- *Một là*, sự phân chia trách nhiệm, ủy quyền chưa cụ thể hóa đến từng cá nhân, gây khó khăn cho công tác thực hiện nhiệm vụ và trách nhiệm cụ thể khi xảy ra sự cố;

- *Hai là*, việc kiểm tra lẫn nhau giữa các bộ phận, kiểm tra độc lập còn thiếu;

- *Ba là*, chưa quy định yêu cầu về thời gian hoàn thành và chất lượng của từng khâu việc, của từng phòng/ban chức năng và chế tài xử lý nếu xảy ra vi phạm, chậm trễ ảnh hưởng tới chất lượng công việc;

- *Bốn là*, việc bàn bạc, dân chủ, minh bạch trong việc xây dựng kế hoạch chưa được quan tâm đúng mức;

- *Năm là*, một số hoạt động kiểm soát tài sản chưa tuân thủ tốt mọi quy trình, quy định của Nhà nước do việc thực hiện cơ chế khoán chi tại Sở.

4.4. Về thông tin và truyền thông

- *Một là*, chưa có hình thức truyền đạt thông tin kịp thời đối với các trường hợp cần thiết, khẩn cấp;

- *Hai là*, văn bản về chế độ, chính sách liên quan đều lưu trữ ở văn phòng Sở chứ chưa sao gửi cho các phòng/ban kịp thời. Đôi khi muốn kiểm tra các phòng/ban, người kiểm tra phải tự liên hệ văn phòng Sở để sao lưu làm quá trình xử lý thông tin đôi khi chậm trễ.

- *Ba là*, Sở chưa thiết lập đường dây nóng để nhận phản hồi những thông tin từ bên ngoài mà đa phần chỉ nhận qua số máy điện thoại của lãnh đạo Sở.

- *Bốn là*, kế hoạch triển khai công tác quản lý tài chính chưa được phổ biến trong các cuộc họp giao ban của lãnh đạo Sở và lãnh đạo các phòng chuyên môn nghiệp vụ hàng tháng.

- *Năm là*, kết quả công tác kiểm tra, kiểm toán nội bộ của Sở chưa được phổ biến đến các cán bộ, công chức và công khai trên Website của Sở theo quy định.

4.5. Về công tác giám sát

- *Một là*, Sở chưa thành lập bộ phận hoặc phân công cán bộ giám sát công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ đối với các đơn vị giao dự toán ngân sách theo quy định mà giao cho phòng nghiệp vụ quản lý kiêm luôn nhiệm vụ này. Điều này làm mất tác dụng của công tác giám sát nhằm phát hiện những gian lận, sai sót và rủi ro có thể xảy ra ở các đơn vị giao dự toán ngân sách;

- *Hai là*, Sở chưa chú trọng đúng mức đối với công tác tự kiểm tra nội bộ và công tác giám sát nội bộ của công chức, viên chức trong đơn vị.

5. Một số giải pháp hoàn thiện

Thứ nhất, về môi trường kiểm soát: (i) Tăng cường nhận thức trong toàn thể công chức, viên chức của Sở về vai trò và tầm quan trọng của hệ thống KSNB vì hoạt động sử dụng ngân sách, tài sản nhà nước tại Sở diễn ra hàng ngày, hàng giờ; nên cho dù đã có những quy định chặt chẽ như quy định về quản lý tài sản công, quy định về sử dụng tài sản công,... nhưng khi thực hiện vẫn không tránh khỏi nhầm lẫn, thiếu sót, vi phạm do lỗi khách quan và chủ quan; (ii) Nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức, thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ thông qua việc đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về chuyên môn, tài

chính cũng như các chế độ, chính sách về giáo dục để lực lượng công chức, viên chức của Sở thường xuyên cập nhật các kiến thức mới, văn bản chế độ mới để xử lý tốt các công việc được giao; (iii) Thực hiện tốt các chế độ, chính sách và chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho đội ngũ công chức, viên chức và xây dựng cơ chế công khai đánh giá, khen thưởng dựa trên cơ sở hoàn thành công việc, không theo định mức để thực hiện các chính sách đãi ngộ cũng như các chế độ cho đúng người, đúng việc; (iv) Cần cụ thể hóa bằng văn bản các quy định về tính chính trực và giá trị đạo đức nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ cần, kiệm, liêm, chí công vô tư trong thực hiện công vụ, niềm yết tại bản tin Sở quy định về những điều cán bộ nên làm và không được làm để tiến tới xây dựng giá trị cốt lõi cho đội ngũ công chức, viên chức của Sở; (v) Cần xây dựng Sổ tay hoạt động KSNB để phục vụ công tác tại Sở cho các công chức, viên chức và (vi) Xây dựng hệ thống chỉ số theo dõi, đánh giá hiệu quả công tác của các công chức, viên chức trong đơn vị để dựa trên các chỉ số này để đánh giá công chức, viên chức nhằm đảm bảo sự công bằng dựa trên công việc, tránh cào bằng, cảm tính trong đánh giá chất lượng công chức, viên chức hằng năm.

Thứ hai, về đánh giá rủi ro: (i) Thành lập hội đồng tư vấn về công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ để tư vấn giúp Giám đốc Sở nhận diện rủi ro và ứng phó với các rủi ro, thành phần hội đồng tư vấn có thể là đại diện lãnh đạo của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và một số cán bộ có chuyên môn sâu, công tác lâu năm hoặc mời các chuyên gia bên ngoài để đảm bảo tính độc lập và khách quan trong các nhận định; (ii) Cần đẩy mạnh công tác dự báo, nhận diện rủi ro, xây dựng quy trình đánh giá và đối phó rủi ro cho hoạt động các hoạt động, có thể giao bộ phận Thanh tra của Sở soạn thảo các rủi ro, các đề xuất đối phó rủi ro liên quan đến hoạt động chủ yếu của Sở trong quá trình kiểm tra, kiểm toán nội bộ.

Thứ ba, về hoạt động kiểm soát: (i) hoàn thiện quy trình quản lý sử dụng ngân sách và tài sản nhà nước để tăng cường năng lực kiểm soát của hệ thống KSNB do với vai trò quản lý nhà nước về hoạt động giáo dục của tỉnh, bộ phận Tài chính của Sở quản lý thu và chi ngân sách đối với các đơn vị giao dự toán trực thuộc như: các trường trung học phổ thông, các trung tâm giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp,... nên cần có quy trình để quản lý; (ii) Cần thành lập bộ phận ngoại kiểm hoặc phối hợp bộ phận ngoại kiểm để tăng cường công tác kiểm soát do nhiều công chức, viên chức của Sở đang thực hiện kiêm nhiệm, trong đó có một số kiêm nhiệm tìm ẩn rủi ro nếu có sự thông đồng. Bên cạnh đó, các phòng chức năng bên cạnh việc quản lý cấp kinh phí lại cũng chính là đơn vị kiểm tra, kiểm toán nội bộ và quyết toán sử dụng nguồn kinh phí với các đơn vị được giao dự toán ngân sách như: Phòng Thanh tra, Phòng kế hoạch tài chính hoặc Văn phòng Sở vừa theo dõi khoán chi ngân sách cho các phòng chức năng vừa kiểm tra, quyết toán ngân sách sử dụng,... nên khó có thể phát hiện ra các sai sót trong thực thi công vụ của chính mình, do đó cần có ngoại kiểm để kiểm soát.

Thứ tư, về thông tin và truyền thông: (i) Cần thiết lập hệ thống đường dây nóng để tiếp nhận thông tin liên quan đến công tác quản lý và sử dụng ngân sách, tài sản nhà nước và chỉ đạo xử lý kịp thời các thông tin tiếp nhận được qua đường dây nóng để kịp thời chỉ đạo xử lý các thông tin tiếp nhận được nhằm chấn chỉnh kịp thời các sai phạm, từng bước nâng cao tính công khai, minh bạch trong hoạt động của Sở; (ii) Thực hiện công khai, minh bạch thông tin về hoạt động kiểm tra, kiểm toán nội bộ và đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông với bên ngoài và (iii) Tăng cường ứng dụng Internet trong việc tiếp nhận và truyền đạt thông tin, thực hiện tốt chủ trương chính phủ điện tử và tổ chức tốt công tác bảo vệ, bảo mật thông tin.

Thứ năm, về công tác giám sát: (i) Cần tổ chức phân công và thực hiện công tác giám sát các hoạt động của đoàn kiểm tra, kiểm toán nội bộ theo quy định, tùy theo quy mô đoàn kiểm tra, kiểm toán nội bộ mà tổ giám sát có thể từ 01 đến 03 người và tổ giám sát này hoạt động độc lập với đoàn thành thanh và có kế hoạch tác chiến riêng biệt theo chỉ đạo của Giám đốc Sở; (ii) Cần chấp hành nghiêm túc các nguyên tắc hoạt động giám sát, không can thiệp trái pháp luật vào hoạt động của các đoàn kiểm tra, kiểm toán nội bộ.

6. Kết luận

Từ những hạn chế trong quy định về KSNB đối với các đơn vị HCNN, bài viết đã dựa trên hướng dẫn của Intosai để đi vào đánh giá thực trạng về KSNB tại Sở Giáo dục và Đào tạo

Bình Định về thực hiện các quy định của ngành giáo dục đối với công tác KSNB cũng như công tác KSNB tại Sở. Từ đó, bài viết đã thảo luận về những hạn chế trong công tác KSNB tại Sở. Dựa trên những nhận xét này, tác giả đã đề xuất các giải pháp hoàn thiện về môi trường kiểm soát, công tác nhận dạng và đánh giá rủi ro, các hoạt động kiểm soát, công tác thông tin và truyền thông, công tác giám sát tại Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Định.

Tài liệu tham khảo

1. Quốc hội (2015), *Luật số 88/2015/QH13 về việc ban hành Luật Kế toán*, Hà Nội
2. Bộ Tài chính (2001), *Quyết định số 143/2001/QĐ- BTC ngày 21 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành sáu chuẩn mực kiểm toán Việt Nam đợt 3*, Hà Nội.
3. The Committee of Sponsoring Organizations of the Treadway Commission (COSO), *Guidance on Internal Control*, truy cập: <http://www.coso.-org/IC.htm>, ngày 25 tháng 01 năm 2020.
4. Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh (2015), *Kiểm soát nội bộ*, Nhà xuất bản Phương Đông, Hồ Chí Minh.
5. Lê Văn Hạnh (2020), *Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ tại Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Định*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Quy Nhơn.